

PHỤ LỤC 2:

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC CÁC ĐỘ TUỔI
24-36 THÁNG TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
I. Giáo dục phát triển thể chất	
<i>* phát triển vận động</i>	
1. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, chân, lưng- bụng	- Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa tay ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay. - Lưng bụng, lườn: Cúi người về trước, nghiêng người sang hai bên, vịn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
2. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động: đi, chạy	+Tập đi, chạy - Đi theo hiệu lệnh. - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay. - Đi trong đường ngoằn ngoèo. - Đi bước vào các ô - Đi kết hợp với chạy. - Bước qua gậy kê cao. - Bước lên bậc (cao 15 cm) - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng. - Đứng co 1 chân
3. Trẻ thực hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng. Thực hiện phối hợp vận động tay mắt trong: tung , bắt, ném,	+ Tung, ném, bắt: -Tung - bắt bóng cùng cô - Tung bóng qua dây - Ném bóng trúng đích - Ném bóng về trước (ném xa bằng 1 tay) - Ném xa bằng 2 tay - Chuyển bóng hai bên theo hàng dọc - - Chuyển bóng hai bên theo hàng ngang
4. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi thực hiện vận động bò- trườn. trèo	+ Tập bò, trườn - Bò trong đường hẹp - Bò theo hướng thẳng và có mang vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Trườn chui qua cổng - Bò theo đường gấp khúc - Trườn qua vật cản - Bò qua vật cản.

5. Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – chân khi nhún, bật.	+ Tập nhún bật - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - Bật xa bằng 2 chân. - Nhún bật về phía trước.
6. Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoay cổ tay, bàn tay, ngón tay theo giai điệu bài hát, bản nhạc.
7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, xâu vòng...	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Nhón nhặt đồ chơi - Xâu xòng hoa lá; Xâu vòng hạt; xâu vòng các con vật. - Lật mở từng trang sách. - Chắp ghép hình - Tháo lắp đồ vật; - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô vẽ
<i>* Giáo dục dinh dưỡng</i>	
8. Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: Trẻ trai: Cân nặng từ 9.9 đến 15.2 (kg) Chiều cao: Từ 80.9 đến 94.9 (cm) Trẻ gái: Cân nặng 9.4 đến 14.5 (kg) Chiều cao: Từ 79.9 đến 93.3 (cm)	Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). - Vệ sinh cá nhân, Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. - Cân đo, theo dõi sức khỏe trẻ qua biểu đồ tăng trưởng - Tổ chức các bài tập, trò chơi phát triển vận động.
9. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống

10. Ngủ 1 giấc trưa, ngủ sâu.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa 150 phút
11. Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định theo sự hướng dẫn của cô.	- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh .
12. Trẻ làm được một số việc đơn giản tự phục vụ với sự giúp đỡ của người lớn(lấy nước uống, đi vệ sinh)	- Trẻ biết tự đi vệ sinh; tự cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định; Tự xúc cơm ăn; tự đi dép; Biết tự uống nước khi khát...
13. Trẻ biết một số thao tác rửa tay lau mặt đơn giản	- Tập một số thao tác trong rửa tay lau mặt
14. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần như thiết bị điện; đồ dùng đồ chơi không đảm bảo, bếp ăn, phích nước nóng; ao hồ.....
15. Trẻ chấp nhận đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ biết đội mũ khi ra ngoài trời, đi chơi. + Tập cho trẻ đi tất, đi giày dép + Tập cho trẻ biết mặc quần áo + Tập cho trẻ biết cài khuy áo
16. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ... khi được nhắc nhở .	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh như leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...

II. Giáo dục phát triển nhận thức

*** Luyện tập và phối hợp các giác quan**

17. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì. - Nếm vị một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua)
18. Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	Chơi, sử dụng đồ dùng, đồ chơi, bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi

*** Nhận biết**

19. Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên và một số đặc điểm nổi bật bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. + Trường mầm non thân yêu
---	--

	+ Lớp học của bé + Bé và các bạn + Những người thân trong gia đình bé (bố, mẹ; ông; bà) + Bé lên mẫu giáo
20. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Tên chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân + Bé và cơ thể (mắt, mũi, miệng)
21. Trẻ biết chỉ, nói tên, lấy cất đúng đồ chơi theo yêu cầu về màu sắc, kích thước	- Tên đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm lớp - Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu của giáo viên trong các hoạt động trong ngày: + Đến rổ lấy quả bóng to cho cô + Lấy em búp bê cao hơn và cái bát màu xanh
22. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc + Đồ dùng học tập của bé (bảng con, sáp màu, đất nặn) + Những đồ chơi bé thích (Đu quay, cầu trượt) + Đồ dùng trong gia đình: - Cái bát, cái thìa, cái đĩa; - Cái ấm, cái phích, cái cốc - Cái ti vi, cái tủ, cái giường - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa củ quả + Con vật trong gia đình (gia cầm): Con gà trống, gà mái, con vịt; Con Ngan, con Ngỗng + Con vật trong gia đình (gia súc): Con chó, con mèo; + Một số con vật sống trong rừng: Con voi, con khỉ; Con Gấu, con Hổ + Một số con vật sông dưới nước: Con cá, con cua, con tôm + Một số cây xanh + Những bông hoa đẹp (hoa đào, hoa mai, hoa cúc; hoa đồng tiền) + Một số loại quả(quả cam, quả chuối; quả xoài, quả táo, quả bưởi, quả đu đủ) + Một số loại rau ăn củ, ăn lá : Rau cải, rau bắp cải, rau muống; củ cà rốt, củ cải trắng, su hào)

	-Đồ dùng của trẻ mẫu giáo
23.Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của một số phương tiện giao thông + Phương tiện và quy định giao thông đường bộ: Xe đạp, xe máy, ô tô, tàu hỏa + Tín hiệu đèn giao thông: Đèn xanh, đèn đỏ, đèn vàng + Phương tiện và quy định giao thông đường thủy (tàu thủy, thuyền buồm, ca nô) + Phương tiện và quy định giao thông đường hàng không: Máy bay, kính khí cầu
24. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật một số ngày lễ hội lớn trong năm	+ Ngày tết trung thu + Ngày hội của cô giáo + Chú bộ đội mến yêu + Bé vui đón tết + Ngày vui của bà của mẹ . + Bác Hồ kính yêu....
25. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cắt đúng đồ chơi Hình vuông, hình tròn theo yêu cầu.	- Hình vuông, hình tròn
26. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cắt đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Màu xanh, màu đỏ, màu vàng
27. Trẻ nhận biết được một số vị trí trong không gian.	- Vị trí trong không gian(Trên- dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ.
28. Chỉ hoặc lấy hoặc cắt đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu	Kích thước to- nhỏ.
29. Nhận biết được số lượng đồ dùng đồ chơi, sự vật hiện tượng theo số lượng(một và nhiều) theo yêu cầu.	Số lượng(một và nhiều)
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ	
*Nghe	
30.Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? Để làm gì? ở đâu? Như thế nào?
31. Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.	Lắng nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè câu đố, truyện ngắn.
* Nói	
32. Trẻ trả lời các câu hỏi: “ Ai đây?”, “ Cái gì đây”?... “làm gì”, “Thế nào”	- Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...
33. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản.	* Chủ đề: Bé và trường MN

Trả lời được các câu hỏi về truyện, tên và hành động của các nhân vật .Kể lại đoạn truyện với sự giúp đỡ của cô giáo	Truyện: Em bé dũng cảm;Thỏ con không vâng lời; Chiếc đu màu đỏ; Đôi bạn nhỏ. *Chủ đề: Bé và Gia đình Chú gấu con ngoan, Cả nhà ăn dưa hấu; Mẹ Tắm cho bé; *Chủ đề: Những con vật đáng yêu Quả trứng; Thỏ con không vâng lời, Khỉ con ăn chuối, Chuyện về đôi bạn chó mèo *Chủ đề: Rau, quả và những bông hoa đẹp Quả thị, Cây Táo, Chiếc áo mùa xuân. Thỏ con ăn gì? *Chủ đề: Bé thích đi bằng PTGT gì. Xe lu và xe ca, Chuyến đi du lịch của chú gà trống choai; Chuyện về xe ủi. *Chủ đề: Mùa hè – Bé lên mẫu giáo Cốc gọi mưa; Cái hồ nhỏ; Cô mưa và giọt nước
34. Phát âm rõ tiếng	- Phát âm rõ các tiếng: Đồ dùng đồ chơi, tên của trẻ, của bạn, người thân trong gia đình. Các loại hoa củ quả, con vật, phương tiện giao thông
35. Nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hàng động. Đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
36. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	* Chủ đề: Bé và Trường MN Thơ: Chia đồ chơi; Bạn mới; Đi dép; * Chủ đề: Bé và Gia đình Yêu mẹ, Mẹ ru con ngủ, Cô giáo, Hai bàn tay. * Chủ đề: Những con vật đáng yêu Các bài thơ, đồng dao: Con Trâu; Tìm ô, Con cá vàng, Con cua, Con Voi. Chú bộ đội của em; Con gà cụt túc * Chủ đề: Rau, quả và những bông hoa đẹp Quả thị; Hoa nở, Bắp cải xanh; Đi chợ tết. * Chủ đề: Bé thích đi bằng PTGT gì. Xe đạp; Con tàu, đi chơi phố; Xe Chữa cháy. * Chủ đề: Mùa hè – Bé lên mẫu giáo Bóng mây; Trăng sáng; Bé tập nói; Cầu vồng - Nghe các bài ca dao, đồng dao, hò vè: Chi chi chành chành, Tập tâm vòng, con

	trâu, dung dăng dung dẻ, con voi, con cua....
37. Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu của bản thân; hỏi về vấn đề quan tâm.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện, bày tỏ nhu cầu của bản thân; hỏi về vấn đề quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây?
38. Nói to, đủ nghe, lễ phép	- Nói to rõ ràng, không nói to hoặc quá nhỏ khi giao tiếp
39. Trẻ biết mở sách xem và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh.	- Xem và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh. - Lắng nghe người lớn đọc sách.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	
<i>* Phát triển tình cảm</i>	
40. Nói được một vài thông tin về bản thân(tên, tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên
41. Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích	- Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình
42. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với người xung quanh. - Biết biểu lộ cử chỉ hành động thân thiện khi giao tiếp với người đối diện
43. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận - Biểu lộ một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận
44. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các con vật nuôi. - Trò chơi bắt chước tiếng kêu của các con vật; Bắt chước dáng đi của các con vật
<i>* Phát triển kỹ năng xã hội</i>	
45. Biết chào tạm biệt cảm ơn, ă, vâng ă.	- Thể hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ ă”, “ Vâng ă”;
46. Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ	- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi(bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)
47. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cầu bạn.
48. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
<i>* Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</i>	
49. Trẻ chú ý nghe hát, bản nhạc. - Biết hát và vận động đơn giản theo	* Chủ đề: Bé và Trường MN + Nghe hát: Cô và mẹ; Đu quay; Trường

bài hát/ bản nhạc quen thuộc	chúng cháu là trường mầm non; *Chủ đề: Bé và Gia đình Cháu yêu bà, Biết vâng lời mẹ; Cả nhà thương nhau; Ru con, ba ngọn nến lung linh. *Chủ đề: Những con vật đáng yêu DH: “Con gà trống”, “Đàn vịt con”, “Lam chú bộ đội” NH: Thật là hay; Chim mẹ chim con, Vì sao con chim hay hót, Gà trống mèo con và cún con, Đồ bạn *Chủ đề: Rau, quả và những bông hoa đẹp Em thêm một tuổi, Chúc xuân, hoa thơm bướm lượn; lý cây bông; Hoa trong vườn; Bông hoa mừng cô. *Chủ đề: Bé thích đi bằng PTGT gì. Bác đưa thư vui; Lại đây múa hát cùng cô; *Chủ đề: Mùa hè- Bé lên mẫu giáo Cho tôi đi làm mưa với; Dân ca tự chọn theo chủ đề - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. * Chủ đề: Bé và Trường MN Lời chào buổi sáng ; Rước đèn; Búp bê; Đi nhà trẻ, Đôi dép. *Chủ đề: Bé và Gia đình Em búp bê, Mẹ yêu không nào; Chiếc khăn tay; Tập tầm vông; Ru em. *Chủ đề: Những con vật đáng yêu Con gà trống; Đàn vịt con, Chú mèo, Voi làm xiếc,Ếch ộp, con gà trống; Gà trống mèo con và cún con; Làm chú bộ đội. *Chủ đề: Rau, quả và những bông hoa đẹp Sắp đến tết rồi; Quả; Bé và hoa; Bắp cải xanh; *Chủ đề: Bé thích đi bằng PTGT gì Em tập lái ô tô; Đèn xanh đèn đỏ, Đoàn tàu nhỏ xíu. *Chủ đề: Mùa hè- Bé lên mẫu giáo Cháu đi mẫu giáo, Bé tập nói; Mùa hè đến, tập tầm vông; Cho tôi đi làm mưa với... - Trò chơi âm nhạc: Nghe tiếng hát to nhỏ; hát theo hình vẽ; tai ai thính, hãy lắng nghe, ai nhanh nhất; chiếc túi ký lạ; Ai đoán giỏi; Ai nhanh nhất
------------------------------	---

50. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)	+ Tô màu quả bóng + Tô màu chiếc yếm + Tô màu cái trống + Tô màu bong bóng, + Tô màu chiếc cốc + Tô màu cái xô cho bác cấp dưỡng + Vẽ hoa tặng cô giáo + Tô màu quả táo + Tô màu cửa cà rốt + Dán lá cho cành hoa + Tô màu con cá heo + Tô màu con gà trống + Tô màu con voi + Tô màu quả bóng tặng chú bộ đội + Tô màu bánh chưng + Vẽ mưa mùa xuân + Vẽ cuống hoa (bổ sung 23-24) + Tô màu chiếc áo của mẹ + Tô màu đường về nhà + Tô màu đường ô tô + Tô màu mũ bảo hiểm + Vẽ các tia nắng + Vẽ mưa + Tô màu chiếc ô + Tô màu bánh ga tô + Dán cái bát + Đan hoa tặng cô + Nặn bánh + Nặn đôi đũa + Nặn bánh xe + Nặn quả cam + Nặn thức ăn cho con vật + Xếp đường đi tới trường, + Xếp lớp học của bé + Xếp nhà của bé + Xếp đường đi + xếp chồng; xếp cạnh + Xếp chuồng cho các con vật + Xếp đoàn tàu

DỰ KIẾN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN 24-36 THÁNG TUỔI

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
--------	--------------	---------	---------------------

Trường MN thân yêu (5 tuần)	- Trường MN thân yêu	1	Ngày 15/9/2025 đến ngày 19/9/2025
	- Lớp học của bé	2	Ngày 22/9/2025 đến ngày 26/9/2025
	- Bé và các bạn	3	Ngày 29/9/2025 đến ngày 3/10/2025
	- Đồ dùng của bé	4	Ngày 6/10/2025 đến ngày 10/10/2025
	- Những đồ chơi bé thích	5	Ngày 13/10/2025 đến ngày 17/10/2025
Bé và gia đình (6 tuần)	Người thân trong gia đình bé	6	Ngày 20/10/2025 đến ngày 24/10/2025
	- Bé và cơ thể bé	7	Ngày 27/10/2025 đến ngày 30/10/2025
	- Đồ dùng trong gia đình(ĐD ăn, uống)	8,9	Ngày 03/11/2025 đến ngày 15/11/2025
	- Đồ dùng để sinh hoạt	10,11	Ngày 17/11/2025 đến ngày 28/11/2025
Những con vật đáng yêu (7 tuần)	- Con vật trong gia đình (Gia cầm)	12,13	Ngày 01/12/2025 đến ngày 12/12/2025
	- Con vật trong gia đình (Gia súc)	1,4,15	Ngày 15/12/2025 đến ngày 26/12/2025
	Một số con vật sống trong rừng	16,17	Ngày 29/12/2025 đến ngày 09/01/2026
	Một số con vật sống dưới nước	18	Ngày 13/01/2026 đến ngày 17/01/2026
Rau quả và những bông hoa đẹp(8 tuần)	Một số loại quả	19,20	Ngày 19/1/2026 đến ngày 30/1/2026
	Cây xanh	21	Ngày 02/2/2026 đến ngày 06/02/2026
	Bé vui đón tết	22	Ngày 9/2/2026 đến ngày 13/2/2026
	Những bông hoa đẹp	23,24	Ngày 23/2/2026 đến ngày 06/02/2026
	Một số loại rau ăn lá, ăn củ.	25,26	Ngày 09/3/2026 đến ngày 20/3/2026
Bé với PTGT (6 Tuần)	Phương tiện và QĐGTđường bộ	27,28	Ngày 23/3/2026 đến ngày 03/4/2026
	Tín hiệu đèn giao thông	29	Ngày 06/4/2026 đến ngày 10/4/2026
	Phương tiện và QĐGT đường thủy	30,31	Ngày 13/4/2025 đến ngày 24/03/2026
	PT và QĐGT đường hàng không	32	Ngày 27/4/2026 đến ngày 01/5/2026
Mùa hè - Bé lên mẫu giáo- Bác Hồ của em(3 tuần)	Thời tiết và trang phục mùa hè	33	Ngày 04/5/2025 đến ngày 08/5/2025
	Bé lên mẫu giáo	34	Ngày 11/5/2026 đến ngày 15/5/2026
	Bác Hồ của em	35	Ngày 18/5/2026 đến ngày 22/5/2026
Tổng tuần		35	

Diễn Cát, ngày 10 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Thị Thắm



